

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ

Ngành: Luật dân sự và tố tụng dân sự

Civil law and civil procedure

Định hướng: Ứng dụng

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 56/QĐ-ĐHL ngày 27 tháng 10 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH

Đơn vị được giao quản lý	Khoa Luật Dân sự
Tên chương trình	Luật Dân sự và tố tụng dân sự
Trình độ đào tạo	Thạc sĩ
Mã số ngành đào tạo	8380103
Định hướng đào tạo	Ứng dụng
Tổng số tín chỉ	60
Thời gian đào tạo	1.5 năm
Ngôn ngữ đào tạo	Tiếng Việt
Tên văn bằng tốt nghiệp	Thạc sĩ Luật dân sự và tố tụng dân sự
Thời gian cập nhật, điều chỉnh CTĐT	2023
Quyết định ban hành	Số: 156/QĐ-ĐHL ngày 27 tháng 10 năm 2023

II. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH

Áp dụng, hành nghề luật dân sự là nhu cầu tất yếu của xã hội. Xây dựng và phát triển kỹ năng thực hành nghề luật là cơ hội để công dân tiếp cận công lý, công bằng, bình đẳng giữa con người trong xã hội. Quyền tiếp cận công lý là khả năng của công dân yêu cầu nhà nước tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất để sử dụng pháp luật nhằm bảo vệ quyền tại các cơ quan nhà nước, tổ chức khác. Để tiếp cận công lý, công dân cần có kỹ năng, tư duy, tri thức về áp dụng, hành nghề luật. Chương trình đào tạo thạc sĩ Luật dân sự và tố tụng dân sự hệ ứng dụng, tập trung nghiên cứu các vấn đề về dân sự, lao động, hôn nhân và gia đình, thi hành án dân sự dưới góc độ luật thực định, hình thành các kỹ năng trong việc áp dụng, hành nghề luật. Cấu trúc chương trình được thiết kế dựa trên bốn trụ cột chính, bao gồm:

(1) **Khối kiến thức cơ bản** giúp người học có tri thức phương pháp luận và thế giới quan khoa học, kỹ năng nghề nghiệp chuyên nghiệp; khả năng sáng tạo, năng lực ngoại ngữ để vận dụng vào cuộc sống, học tập và công việc;

(2) **Khối kiến thức cơ sở và cốt lõi ngành** được thiết kế với ba nội dung chính, gồm: (a) Các môn học mang tính cơ sở lý luận nhằm trang bị cho người học những kiến thức tổng quát, nền tảng về luật dân sự, tố tụng dân sự, lao động, hôn nhân và gia đình, thi hành án dân sự, đặt nền móng phát triển tư duy và kỹ năng phân tích, áp dụng luật; (b) Các môn học cung

sự, đặt nền móng phát triển tư duy và kỹ năng phân tích, áp dụng luật; (b) Các môn học cung cấp kiến thức cốt lõi ngành nhằm giúp người học có khả năng vận dụng những kiến thức và kỹ năng đã được học một cách trực tiếp vào việc áp dụng, hành nghề luật một cách hiệu quả, đúng pháp luật; (c) Các môn học về kỹ năng nhằm trang bị và nâng cao kỹ năng của người học trong việc áp dụng, hành nghề luật.

(3) **Thực tập:** Dung lượng thực tập là 06 tín chỉ. Học viên chủ động đăng ký nơi thực tập phù hợp với việc thực hiện Đề án thạc sỹ cũng như hoạt động nghề nghiệp. Kết quả thực tập được thể hiện trong Báo cáo thực tập có mô tả nội dung các công việc học viên đã thực hiện và xác nhận của cơ sở nơi học viên thực tập. Việc thực tập phải được kết thúc trước khi học viên được công nhận tốt nghiệp.

(4) **Tốt nghiệp:** Đề tốt nghiệp, học viên thực hiện Đề án thạc sỹ Luật với dung lượng 09 tín chỉ. Đề án thạc sỹ Luật là một báo cáo khoa học thuyết minh quá trình xây dựng, triển khai và kết quả triển khai nghiên cứu pháp luật, thể hiện kiến thức pháp lý chuyên sâu và am hiểu thực tiễn, có tư duy phản biện, kỹ năng nghiên cứu độc lập và đáp ứng các yêu cầu của Bộ GDĐT, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh về hình thức, nội dung.

III. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. **Mục tiêu chung:** Chương trình đào tạo trình độ thạc sỹ ngành Luật dân sự và Tố tụng dân sự định hướng ứng dụng của Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh có mục tiêu hướng đến đào tạo đội ngũ thạc sỹ luật có tri thức chuyên sâu về pháp luật Việt Nam, có kỹ năng thực hành tốt để có thể làm việc trong các lĩnh vực liên quan đến tư pháp, có kỹ năng phát hiện và giải quyết các vấn đề pháp lý trong thực tiễn cuộc sống, góp phần xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, bảo đảm công lý trong lĩnh vực tư pháp.

2. Mục tiêu cụ thể:

➤ **Kiến thức:**

- PO1. Có kiến thức chuyên môn sâu, rộng về pháp luật dân sự;
- PO2. Có kiến thức chuyên về so sánh pháp luật trong lĩnh vực pháp luật dân sự;

➤ **Kỹ năng**

- PO3. Có khả năng nhận diện và giải quyết các vấn đề pháp lý trong thực tiễn đời sống dân sự;
- PO4. Có khả năng tư duy độc lập, kỹ năng áp dụng pháp luật và tự chịu trách nhiệm trong lĩnh vực pháp luật dân sự vào thực tiễn;
- PO5. Có khả năng nghiên cứu khoa học và học tập suốt đời;

➤ **Thái độ/ mức độ tự chủ và trách nhiệm**

- PO6. Có tinh thần tôn trọng, bảo vệ pháp luật;
- PO7. Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp đáp ứng được yêu cầu của các công việc liên quan đến pháp luật dân sự, có ý thức phục vụ cộng đồng.

IV. CHUẨN ĐẦU RA MÀ NGƯỜI HỌC SAU KHI TỐT NGHIỆP

➤ **Kiến thức:**

- PO1. Có kiến thức thực tế sâu, rộng, nắm được các học thuyết cơ bản trong lĩnh vực pháp luật dân sự;
- PO2. Có kiến phương pháp nhận diện và cách giải quyết những vấn đề pháp lý phát sinh trong thực tiễn áp dụng vực pháp luật dân sự;
- PO3. Có kiến thức liên ngành có liên quan;
- PO4. Có kiến thức chung về quản trị và quản lý;

- **PO5.** Đạt trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.
- **Kỹ năng:**
 - **PO6.** Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, cập nhật, đánh giá dữ liệu và thông tin liên quan đến lĩnh vực pháp luật dân sự để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề phát sinh trong thực tiễn dân sự;
 - **PO7.** Có kỹ năng tổ chức, quản lý các hoạt động nghiên cứu khoa học và hoạt động khoa học trong nghề nghiệp;
 - **PO8.** Có kỹ năng truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học thuộc lĩnh vực pháp luật dân sự với người cùng ngành và với những người khác;
 - **PO9.** Có kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý các hoạt động nghề nghiệp trong lĩnh vực pháp luật dân sự một cách tiên tiến;
 - **PO10.** Có kỹ năng nghiên cứu phát triển và sử dụng các công nghệ một cách sáng tạo trong nghiên cứu khoa học và nghề nghiệp thuộc lĩnh vực pháp luật dân sự.
- **Năng lực tự chủ và trách nhiệm:**
 - **PO11.** Thể hiện ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật, bảo vệ lợi ích của cộng đồng và xã hội;
 - **PO12.** Tự nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng trong lĩnh vực pháp luật dân sự;
 - **PO13.** Thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác trong nghiên cứu khoa học và thực hiện các hoạt động nghề nghiệp thuộc lĩnh vực pháp luật dân sự;
 - **PO14.** Tự đưa ra kết luận mang tính chuyên gia và tự chịu trách nhiệm trong lĩnh vực pháp luật dân sự;
 - **PO15.** Chủ động đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực pháp luật dân sự.

V. VỊ TRÍ VIỆC LÀM

1. Chức danh tư pháp trong các cơ quan tư pháp (Công an, Tòa án, Viện Kiểm sát, Thi hành án);
2. Công chức, viên chức trong các cơ quan Nhà nước (Ủy ban nhân dân các cấp, các cơ quan trực thuộc UBND);
3. Người hành nghề luật trong các cơ quan, tổ chức hành nghề luật (Phòng Công chứng, Văn phòng công chứng, tổ chức đấu giá, Văn phòng luật sư, Văn phòng Thừa phát lại, Trung tâm Trợ giúp pháp lý);
4. Lãnh đạo, nhân viên, cộng tác viên, tư vấn viên, chuyên viên trong doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
5. Nghiên cứu viên trong các viện nghiên cứu, cơ sở giáo dục và đào tạo khối ngành pháp luật dân sự;
6. Nghiên cứu viên trong các cơ quan lập pháp.

VI. QUY ĐỊNH TUYỂN SINH

1. Chuẩn đầu vào và điều kiện về văn bằng đại học

Người học phải tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành đúng, phù hợp; có trình độ ngoại ngữ bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt

Nam hoặc các chứng chỉ quốc tế theo bảng tham chiếu quy đổi một số văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ tương đương bậc 3 và bậc 4 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Đối với chương trình đào tạo thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu, người học phải tốt nghiệp đại học hạng khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập.

a) Danh mục ngành phù hợp của chương trình đào tạo

TT	Ngành tuyển sinh	Ngành phù hợp
1	Luật dân sự và tố tụng dân sự (MS.8380103)	<ul style="list-style-type: none"> - Luật (MS7380101) - Luật hiến pháp và luật hành chính (MS7380102) - Luật dân sự và tố tụng dân sự (MS7380103) - Luật hình sự và tố tụng hình sự (MS7380104) - Luật kinh tế (MS7380107) - Luật quốc tế (MS7380108) - Luật thương mại quốc tế (MS7380109)

b) Bảng tham chiếu quy đổi một số văn bằng chứng chỉ ngoại ngữ tương đương bậc 3 và bậc 4 Khung năng lực sáu bậc dùng cho Việt Nam

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ /Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
			Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30-45	46-93
		TOEFL ITP	450-499	
		IELTS	4.0 - 5.0	5.5 -6.5
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/Linguaskill. Thang điểm: 140-159	B2 First/B2 Business Preliminary/Vantage/Linguaskill. Thang điểm: 160-179
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149	Nghe: 400-489 Đọc: 385-454 Nói: 160-179 Viết: 150-179
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance francaise diplomas	TCF: 300-399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue	TCF: 400-499 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue

		Goethe - Institut	Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2
3	Tiếng Đức	The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	TestDaF Bậc 4 (TDN 4)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному	ТРКИ-1	ТРКИ-2
Ghi chú: theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo				

2. Phương thức tuyển sinh

Phương thức tuyển sinh có thể là xét tuyển hoặc thi tuyển hoặc kết hợp xét tuyển với thi tuyển. Việc xác định phương thức tuyển sinh cụ thể do Hội đồng Trường quyết định. Việc công bố phương thức tuyển sinh hàng năm được thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường Đại học luật Thành phố Hồ Chí Minh về tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ và đều được công khai trên trang thông tin điện tử của Nhà trường.

VII. CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH

(1) Khái quát chương trình:

- **Khối kiến thức cơ bản:** 06 tín chỉ (trong đó có 02 tín chỉ học phần triết học, 02 tín chỉ học phần Logic học và 02 tín chỉ phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lý).
- **Khối kiến thức cơ sở:** 22 tín chỉ, bao gồm:
 - Các học phần bắt buộc: 10 tín chỉ bao gồm lý thuyết và thực hành;
 - Các học phần tự chọn: 12 tín chỉ: gồm lý thuyết và thực hành.
- **Khối kiến thức cốt lõi ngành:** 20 tín chỉ, bao gồm:
 - Kiến thức chuyên ngành bắt buộc: 8 tín chỉ;
 - Kiến thức chuyên ngành tự chọn: 12 tín chỉ.
- **Thực tập:** 6 tín chỉ.
- **Đề án tốt nghiệp:** 6 tín chỉ.
- ❖ Tổng khối lượng: 60 tín chỉ.

(2) Chương trình chi tiết

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
I	Khối kiến thức chung (6 tín chỉ)		6	
1	LHTL504	Triết học – Logic	4	
2	LHPP502	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	
II	Khối kiến thức cơ sở (22 tín chỉ)			
	Các học phần bắt buộc (10 tín chỉ)			
1	DSLL504	Luật La Mã	2	
2	DSCT512	Cá nhân – chủ thể quan hệ pháp luật dân sự	2	
3	DSLL514	Lý luận chung về pháp luật hợp đồng	2	
4	DSCQ506	Cơ quan tiến hành tố tụng trong pháp luật tố tụng dân sự	2	
5	DSLĐ515	Pháp luật về hợp đồng lao động	2	
	Các học phần tự chọn (chọn 12/18 tín chỉ)			
1	DSTH509	Giải quyết tranh chấp về nghĩa vụ dân sự và bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự	2	
2	DSVV510	Giải quyết các vụ việc dân sự tại Tòa án nhân dân	2	
3	DSLK511	Giải quyết tranh chấp phát sinh từ quan hệ liên kê	2	
4	DSTQ517	Xác định thẩm quyền giải quyết vụ việc dân sự tại Tòa án	2	
5	DSGD527	Giải quyết tranh chấp về giao dịch bất động sản	2	
6	DSNT520	Quan hệ nhân thân trong pháp luật về hôn nhân và gia đình	2	
7	DSCM524	Chứng minh trong tố tụng dân sự	2	
8	DSTCLĐ519	Giải quyết các tranh chấp lao động	2	
9	DSTrCDLCN528	Giải quyết tranh chấp về dữ liệu cá nhân		
III	Khối kiến thức cốt lõi ngành (20 tín chỉ)			
	Các học phần bắt buộc (8 tín chỉ)			
1	DSDS512	Pháp luật về bất động sản	2	
2	DSKLLĐ537	Pháp luật về kỷ luật lao động	2	

3	DSTSHN538	Pháp luật về tài sản trong hôn nhân và gia đình	2	
4	DSTT513	Một số vấn đề chuyên sâu về sở hữu trí tuệ	2	
Các học phần tự chọn (chọn 12/18 tín chỉ)				
1	DSXD518	Xác định và xử lý di sản trong pháp luật thừa kế	2	
2	DSTH505	Xác định thiệt hại và ấn định mức bồi thường trong tranh chấp về bồi thường thiệt hại	2	
3	DSTH522	Hoạt động thi hành án dân sự	2	
4	DSBV525	Kỹ năng bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự tại phiên tòa	2	
5	DSVD526	Vận dụng pháp luật lao động trong quản trị nhân sự	2	
6	DSTN528	Giải quyết tranh chấp về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước	2	
7	DSDP507	Kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng dân sự	2	
8	DSTL509	Kỹ năng đối thoại và thương lượng tập thể trong quan hệ lao động	2	
9	DSHĐĐG539	Hoạt động đấu giá tài sản	2	
IV	Thực tập và đề án tốt nghiệp (12 tín chỉ)			
1	Thực tập		6	
2	Đề án tốt nghiệp		6	

HIỆU TRƯỞNG



Ts. Lê Trường Sơn